

**DỰ THẢO****PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

(Đính kèm Tờ trình số ....., ngày ..... tháng ..... năm 2024)

**Ghi chú:**

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật số 03/2022/QH15 là Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.
- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	
Điều lệ này của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật chứng khoán số 59/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại	Điều lệ này của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, <b>sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;</b> và Luật	Cập nhật dẫn chiếu luật

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p><b><u>Điều lệ này được thông qua bởi Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội tổ chức vào ngày 27 tháng 04 năm 2021.</u></b></p>	<p>chứng khoán số 59/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 <b>và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</b></p> <p>Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>	
<p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa <b>XIII</b> thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p>	<p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa <b>XIV</b> thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, <b>sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;</b></p>	Cập nhật dẫn chiếu luật
Chưa có	<p><b>k) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.</b></p> <p><b>l) "Tổ chức kiểm toán được chấp thuận" là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Pháp luật về kiểm toán độc lập</b></p> <p><b>m) "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty" là văn bản</b></p>	Cập nhật các khái niệm phù hợp với Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Điều 4 Luật Chứng khoán, Điều 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 23 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p><b>tập hợp các nguyên tắc, quy định về điều hành, quản lý Công Ty được ban hành theo thẩm quyền, trình tự thủ tục của Công Ty và phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm</b></p> <p><b>n) “Bí mật kinh doanh” là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh. Bí mật kinh doanh phải được bảo mật theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này.</b></p>	
<b>II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	<b>II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	
<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty</b>	<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty</b>	
6.Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>Điều 57</b> và <b>Điều 58</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Điều 59</b> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là 50 năm.	6.Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>Điều 59</b> và <b>Điều 60</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Điều 61</b> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là 50 năm.	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	
<b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	
Chưa có	<b>i) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</b>	Bổ sung ngành nghề kinh doanh dựa trên tờ trình trình ĐHCĐ thường niên năm 2024
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p><b>Điều 6 Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ, phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được uỷ quyền. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Chưa có</p>	<p><b>Điều 6 Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ, phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được uỷ quyền. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><b>Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc cổ đông không nhận được các thông tin, thông báo (như: thông báo mời họp và tài liệu kèm theo; thông báo chào bán cổ phần; phiếu lấy ý kiến bằng văn bản...) hay không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</b></p>	<p>Bổ sung phù hợp với Khoản 4 điều 122 luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>Chưa có</p>	<p><b>Điều 10. Mua lại cổ phần</b></p>	<p>Bổ sung phù hợp căn cứ theo Điều 132, Điều 133, Điều 134 luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>Chưa có</p>	<p><b>1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình và Công ty phải mua lại cổ phần đó theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p><b>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán. Hội</b></p>	<p>Bổ sung phù hợp căn cứ theo Điều 132, Điều 133, Điều 134 luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p><b>đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Việc mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty phải tuân thủ quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p><b>3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.</b></p> <p><b>4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</b></p> <p><b>5. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác</b></p> <p><b>6. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ</b></p> <p><b>7. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn</b></p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<b>mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại</b>	
<b>VLCỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG</b>	<b>VLCỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG</b>	
<b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b>	<b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b>	
<p>3.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <b>Điều 25</b> và <b>Điều 36</b> Điều lệ này;</p> <p>.....</p> <p>e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>khoản 4 Điều 17</b> Điều lệ này;</p>	<p>3.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <b>năm phần trăm (5%)</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <b>Điều 26</b> và <b>Điều 37</b> Điều lệ này;</p> <p>.....</p> <p>e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>khoản 4 Điều 18</b> Điều lệ này;</p>	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b>	Cập nhật STT của Điều khoản
<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>.....</p> <p>c)<b><u>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định trong Điều lệ - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;</u></b></p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 <b>Điều 11</b> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>.....</p> <p>c) <b>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định trong Điều lệ.</b></p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 <b>Điều 12</b> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập <b>phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên,</b></p>	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định liên quan tại Điều lệ, Sửa đổi phù hợp với Điểm b Khoản 1 Điều 140 và điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập <b><u>phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan)</u></b>;</p>	<p><b>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</b></p>	
<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát <b><u>còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này</u></b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty, theo quy định khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban kiểm soát <b><u>còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật</u></b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. <b><u>Và Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</u></b> Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty, theo quy định khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p><b><u>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	<p><b><u>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	
<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua <b><u>quyết định bằng văn bản về</u></b> các vấn đề sau:</p>	<p><b><u>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các vấn đề sau:</u></b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với điều 139 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<b>Điều 15.</b> Ủy quyền tham dự Hội đồng cổ đông	<b>Điều 16.</b> Ủy quyền tham dự Hội đồng cổ đông	
5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 <b>Điều 15</b> , phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 <b>Điều 16</b> , phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<b>Điều 16.</b> Thay đổi các quyền	<b>Điều 17.</b> Thay đổi các quyền	
1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ năm <b>mười một phần trăm (51%)</b> tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ <b>sáu mươi lăm phần trăm (65%)</b> tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa đổi phù hợp với khoản 1 Điều 17 Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 17.</b> Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<b>Điều 18.</b> Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 <b>Điều 13</b> Điều lệ này;	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 <b>Điều 14</b> Điều lệ này;	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ và sửa đổi theo điều 142 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 <b>Điều 11</b> Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 <b>Điều 12</b> Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ và sửa đổi theo điều 142 Luật Doanh nghiệp



Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	số 59/2020/QH14
<p><b>5. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u></b></p> <p>a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên <b><u>theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</u></b></p>	<p><b>5. Trường hợp người Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên <b>căn cứ danh sách cổ đông tại ngày Đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;</b></p>	Bổ sung căn cứ theo quy định tại điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
<p><b><u>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	<p><b><u>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	
<p>4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 và khoản <b>6 Điều 17</b> của Điều lệ này.</p>	<p>4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 và khoản <b>6 Điều 18</b> của Điều lệ này.</p>	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<p><b><u>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	<p><b><u>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	
<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết <b><u>một (01) thẻ biểu quyết</u></b> và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu</p>	<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) <b>bộ thẻ biểu quyết</b> và/hoặc phiếu biểu</p>	Điều chỉnh quy định này để phù hợp với thực tế triển khai đại hội

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.	quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.	
<b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	
<p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển công ty;</p> <p><b>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</b></p> <p><b>d) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.</b></p>	<p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển công ty;</p> <p><b>c) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.</b></p>	Điều chỉnh trong phạm vi phù hợp với quy định tại điều 147 Luật Doanh nghiệp
<p>3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <b>cổ đông dự họp tán thành</b> (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp hoặc thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản):</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p>	<p>3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <b>cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b> (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp hoặc thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản):</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p>	Cập nhật, Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
e) Tổ chức lại, giải thể công ty;	e) Tổ chức lại, giải thể công ty;	
<p>4. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của <b>tất cả cổ đông dự họp tán thành</b> (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp hoặc thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 5, 6 Điều này.</p>	<p>4. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của <b>tất cả cổ đông Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b> (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp hoặc thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 5, 6 Điều này.</p>	<p>Cập nhật, Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p>
<p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát <b>phải</b> thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát <b>có thể</b> thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại <b>Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc các quy chế tương đương hoặc Điều lệ công ty. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 25 Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<b>quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc quy chế tương đương.</b>	
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ <b><u>được thông qua khi đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này.</u></b>	6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ <b>được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</b>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 17 Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
<b><u>Điều 21.</u></b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<b><u>Điều 22.</u></b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:  1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 2 <b><u>Điều 20</u></b> , Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:  1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 2 <b><u>Điều 21</u></b> , Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<b><u>Điều 22.</u></b> Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<b><u>Điều 23.</u></b> Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố <b><u>đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></b> Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	<p>4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố <b>thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</b> và theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Phụ lục I đính kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b><u>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	<p><b><u>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	
<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 <b><u>Điều 11</u></b> của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 <b><u>Điều 12</u></b> của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p><b><u>Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	<p><b><u>Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	
<p>3.Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><u>Điều 23</u></b> Điều lệ này, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho</p>	<p>3.Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b><u>Điều 24</u></b> Điều lệ này, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	
<b>VII.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>VII.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b><u>Điều 25.</u></b> Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	<b><u>Điều 26.</u></b> Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một <b>thành viên</b>; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử hai <b>thành viên</b>; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử ba <b>thành viên</b>; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu lăm phần trăm) được đề cử bốn <b>thành viên</b> và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) <b>trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</b></p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một <b>(01) ứng viên</b>; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử hai <b>(02) ứng viên</b>; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử ba <b>(03) ứng viên</b>; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu lăm phần trăm) được đề cử bốn <b>(04) ứng viên</b> và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử năm <b>(05) ứng viên.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với quy định tại điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 25 Phụ lục I Ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>3.Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo <b><u>một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></b></p>	<p>3.Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo <b><u>cơ chế do công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc quy chế tương đương. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước</u></b></p>	Sửa đổi phù hợp với quy định tại điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 25 Phụ lục I Ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<b>khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.</b>	
<b>Điều 26.</b> Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị:	<b>Điều 27.</b> Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị:	
<b><u>6.Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</u></b>	<b>6.Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và trong các trường hợp sau:</b>	Cập nhật, bổ sung, sửa đổi theo quy định tại điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
<b>Điều 28.</b> Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	<b>Điều 29.</b> Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
Không có	<b>6.Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</b>	Cập nhật, Bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 28 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 30.</b> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	<b>Điều 31.</b> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	
16.Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. <b><u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 158 của Luật doanh nghiệp.</u></b>	16.Biên bản họp Hội đồng quản trị: <b>Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.</b> <b>Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</b>	Cập nhật, bổ sung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14



Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi.	
<b>VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	<b>VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	
<b><u>Điều 34.</u> Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</b>	<b><u>Điều 35.</u> Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</b>	
<p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Giám đốc điều hành có những quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và các quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>b) Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quy định tại <b>Điều 14</b> và <b>Điều 27</b> Điều lệ Công ty.</p>	<p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Giám đốc điều hành có những quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và các quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>b) Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quy định tại <b>Điều 15</b> và <b>Điều 28</b> Điều lệ Công ty.</p>	Cập nhật dẫn chiếu tới quy định tại Điều lệ
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	
<b><u>Điều 36.</u> Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát</b>	<b><u>Điều 37.</u> Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b>	
<p>1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 <b>Điều 25</b> Điều lệ này.</p>	<p>1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 <b>Điều 26</b> Điều lệ này.</p>	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết,</p>	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết,</p>	Sửa đổi phù hợp với quy định tại điều 115 Luật Doanh nghiệp số



Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, <b><u>Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</u></b> Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật</p>	<p>Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, <b>Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử của từng đợt bầu thành viên hoặc quy chế tương đương.</b> Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>59/2020/QH14 và Điều 25 Phụ lục I Ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</b></p>	<p><b>X.TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</b></p>	
<p><b><u>Điều 43.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	<p><b><u>Điều 44.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	
<p>8. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc người điều hành đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc <b>vào</b> Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng</p>	<p>8. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc người điều hành đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc <b>vì</b> Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc</p>	<p>Bổ sung theo điều 47 Phụ lục I đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>35% (ba mươi lăm phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p>	<p>bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm) <b>hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm)</b> trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p>	
<p><b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b></p>	<p><b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b></p>	
<p><b><u>Điều 45.</u> Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p>	<p><b><u>Điều 46.</u> Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p>	
<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 <b><u>Điều 11</u></b> của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 <b><u>Điều 12</u></b> của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p><b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b></p>	<p><b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b></p>	
<p><b><u>Điều 53.</u> Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b></p>	<p><b><u>Điều 54.</u> Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b></p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 55</b> của Điều lệ này, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 56</b> của Điều lệ này, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p>Chưa có</p>	<p><b>XVIII. BẢO MẬT THÔNG TIN CÔNG TY</b></p>	
<p>Chưa có</p>	<p><b>Điều 58. Bảo mật thông tin</b></p>	<p>Bổ sung quy định về bảo mật thông tin phù hợp với yêu cầu và thực hành về bảo mật dữ liệu của Doanh nghiệp</p>
	<p><b>Các loại Thông tin bảo mật là bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ của Công ty, bao gồm tất cả các thông tin, tài liệu, hình ảnh chưa được Công ty công bố rộng rãi liên quan đến quy trình công nghệ, quy trình vận hành máy móc, thiết bị, quyền sở hữu trí tuệ của Công ty; thông tin về chính sách nhân sự, tài chính nội bộ của Công ty; thông tin về tài sản, thiết bị, dây chuyền; thông tin về đối tác, khách hàng; thông tin về bất kỳ những vấn đề khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Danh mục các tài liệu Thông tin bảo mật là bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ được liệt kê bao gồm nhưng không giới hạn các loại thông tin sau đây:</b></p> <p><b>1. Mọi thông tin về hoạt động của Công ty, bao gồm</b></p>	<p>Bổ sung quy định về bảo mật thông tin phù hợp với yêu cầu và thực hành về bảo mật dữ liệu của Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>nhưng không giới hạn bởi các thông tin trực tiếp hoặc có liên quan đến kinh doanh, công nghệ, quản lý lao động của Công ty.</p> <p>2. Mọi thông tin về quan hệ lao động và người lao động trong Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin trực tiếp hoặc có liên quan đến công việc, điều chuyển công việc, quản lý cán bộ, lương, lợi ích của người lao động.</p> <p>3. Mọi thông tin về Công ty hoặc khách hàng hoặc đối tác có quan hệ với Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin trực tiếp hoặc có liên quan đến quan hệ kinh doanh, quan hệ tài chính và các quan hệ khác giữa Công ty và cá nhân hoặc doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài Công ty.</p> <p>4. Các hồ sơ, tài liệu mang tính chất nội bộ như: Nội quy, các quy chế, quy định và các văn bản nội bộ khác của Công ty;</p> <p>5. Các tài liệu liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán như: Hợp đồng, chứng từ, sổ sách kế toán, các báo cáo và số liệu liên quan đến kinh doanh và kế toán;</p> <p>6. Các tài liệu liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sản xuất như: Quy trình, hướng dẫn công nghệ, sản xuất, vận hành, hồ sơ thiết bị, hồ sơ chất lượng và các thông số liên quan đến sản phẩm hoặc dịch vụ;</p> <p>7. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh, công nghệ, kế hoạch tài chính, ngân sách, hồ sơ tài chính, kế hoạch marketing, kế hoạch phát triển sản phẩm, thị</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>trường,...</p> <p><b>8. Các tài liệu liên quan đến lĩnh vực nhân sự như: Hồ sơ nhân sự, hồ sơ cán bộ, chính sách nhân sự và các thông tin liên quan đến quản lý nhân sự khác.</b></p> <p><b>9. Bất kỳ sự khiếu nại, khiếu kiện nào chống lại Công Ty hay bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào, bất kỳ kiện tụng nào đang hoặc có thể xảy ra mà Công Ty là một bên liên quan. Quy định này không áp dụng đối với các thông tin đã được công khai ra công chúng.</b></p> <p><b>10. Thông tin về những khiếu nại mà công ty hoặc bên đối tác của Công ty đang thực hiện hoặc có thể thực hiện với người khác hoặc ngược lại.</b></p> <p><b>11. Các thông tin liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các đề xuất và/hoặc các dự án đã, đang hoặc sắp triển khai của Công Ty như hồ sơ dự án; Các hợp đồng, giao dịch về dự án; Kế hoạch kinh doanh và chiến lược; thông tin giá cả; Kế hoạch tài chính và dự báo; Kế hoạch cung cấp các dịch vụ mới và các sản phẩm; danh sách khách hàng; Đề xuất, báo giá sản phẩm, dịch vụ, thư từ giao dịch gửi tới khách hàng; kế hoạch bán hàng và tiếp thị, dự báo...</b></p> <p><b>12. Các thông tin liên quan đến cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty như các thương vụ mua lại, đầu tư góp vốn đã và đang thực hiện, các thương vụ có thể xảy ra, dự tính thay đổi trong cấu trúc vốn, cổ tức, thay đổi Người Quản Lý cấp cao,...</b></p> <p><b>13. Danh sách điện thoại; sơ đồ tổ chức và danh sách e-mail; thông tin cá nhân của nhân viên Công ty, nhà</b></p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p><b>cung cấp và khách hàng.</b></p> <p><b>14. Bất kỳ và toàn bộ thông tin, tài liệu, tư liệu hoặc phần mềm ứng dụng (dưới bất kỳ hình thức nào) được chuẩn bị, phát triển hoặc khởi tạo bởi Công ty, hoặc Bên Tiếp Nhận Thông Tin hoặc Bên Nhận Ủy Quyền (như định nghĩa bên dưới) mà thể hiện, chứa đựng, phản ánh, sử dụng, có nguồn gốc từ hoặc liên quan đến (dù trực tiếp hay gián tiếp) bất cứ Thông Tin Mật nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc phân tích, đề xuất, kế hoạch, thuyết trình, ghi chú, tính toán, kết luận hoặc tóm tắt.</b></p> <p><b>15. Các thông tin liên quan đến quyền tác giả và/hoặc quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm/dịch vụ của Công Ty và cam kết quyền sở hữu tác giả đối với tác phẩm do Người Lao động hoặc Đối tác sáng tạo ra từ kết quả của việc thực hiện các nghĩa vụ trong quan hệ lao động/hợp tác là thuộc sở hữu của công Ty.</b></p> <p><b>16. Tất cả nội dung các cuộc đàm thoại, trao đổi về công việc của bất cứ người nào trong Công Ty hoặc một Bên có liên quan đến Công Ty.</b></p> <p><b>17. Bất kỳ bản sao nào của Thông Tin Mật hoặc bất cứ tài liệu nào khác lưu trữ các Thông Tin Mật đó hoặc bất kỳ tài liệu phái sinh hoặc sản phẩm nào được phát triển từ việc sử dụng một phần hoặc tất cả các Thông Tin Mật</b></p> <p><b>18. Toàn bộ các Dữ liệu Cá Nhân và Thông Tin Nội Bộ khác trong Công ty, có liên quan đến Công ty và những Người Nội Bộ trong Công ty.</b></p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<b>19. Bảo vệ bí mật thương mại, các Thông Tin Mật và độc quyền khác của Công ty và các bên thứ ba, bao gồm cả các nhà cung cấp và khách hàng. Công ty yêu cầu các cổ đông, người lao động Công ty, nhà cung cấp, nhà thầu, đại lý, khách hàng và nhân viên của những người này cần có phán đoán hợp lý và tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và pháp lý cao nhất khi sử dụng hoặc truyền Thông Tin Mật, cho dù là qua tài nguyên công nghệ của Công ty, của khách hàng, hoặc một bên khác.</b>	
<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	Cập nhật số thứ tự của đề mục
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	Cập nhật số thứ tự của đề mục
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	Cập nhật số thứ tự của đề mục
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>XXII. NGÀY HIỆU LỰC</b>	Cập nhật số thứ tự của đề mục
<b>Điều 63. Ngày hiệu lực</b>	<b>Điều 65. Ngày hiệu lực</b>	
1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <b>63 điều</b> , được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá nhất trí thông qua <b>ngày 27 tháng 04 năm 2021</b> và Bản điều lệ này sẽ có hiệu lực thi hành <b>vào ngày 27 tháng 04 năm 2021.</b>	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <b>65 điều</b> , được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá nhất <b>trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2024</b> và Bản điều lệ này sẽ có hiệu lực <b>thi hành từ ngày 26 tháng 04 năm 2024.</b>	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<p><b>Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số điều chỉnh liên quan đến thời điểm Điều lệ Công ty được sửa đổi và có hiệu lực có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</li> <li>- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</li> </ul>		

